

CTCP Văn hóa Phương Nam (HSX: PNC)

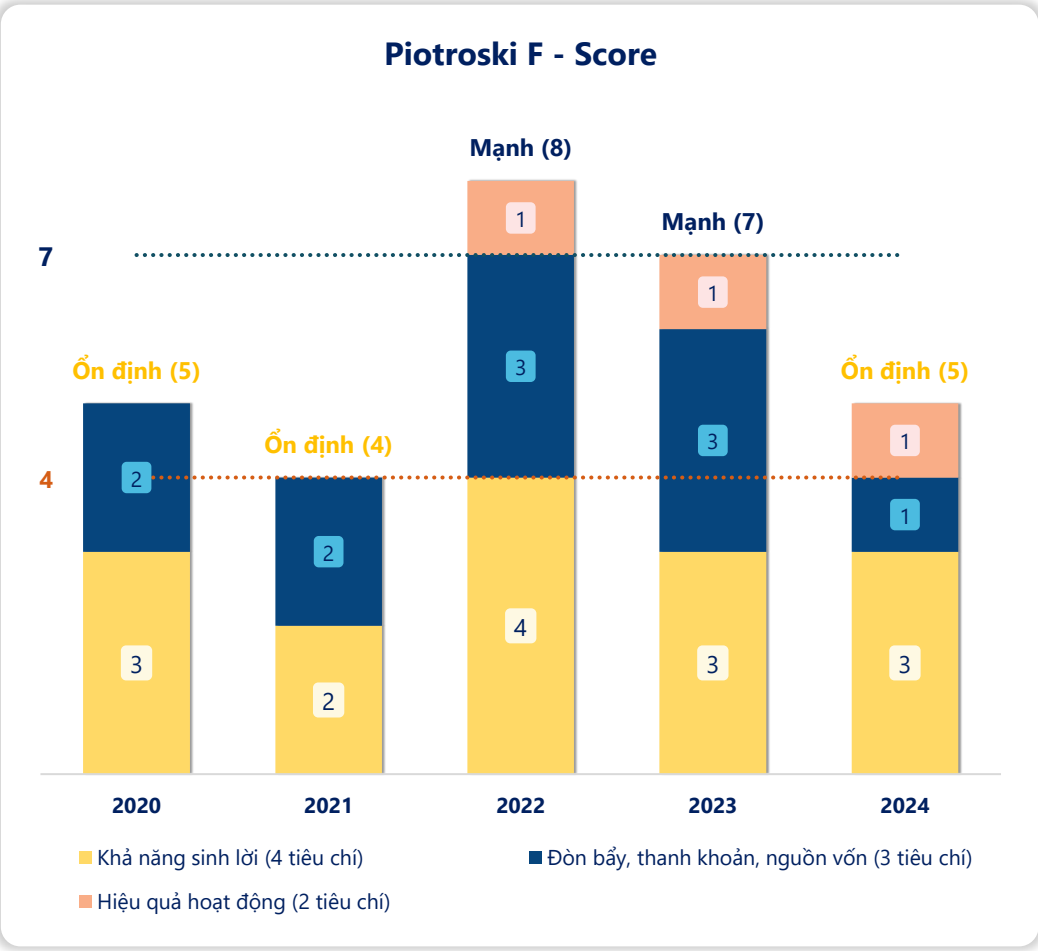
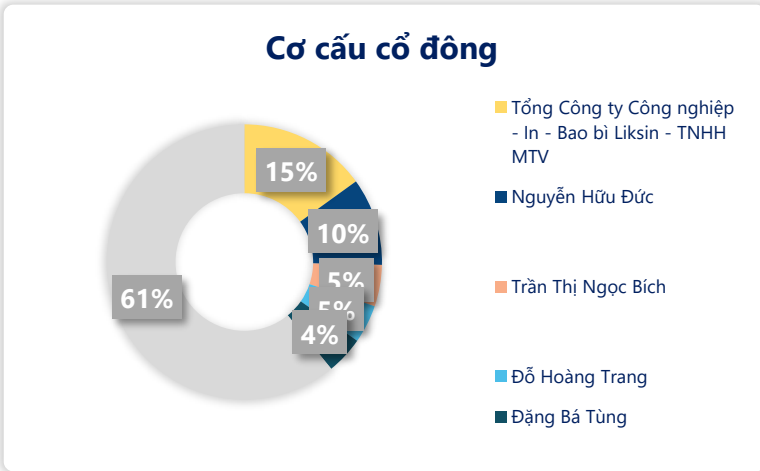
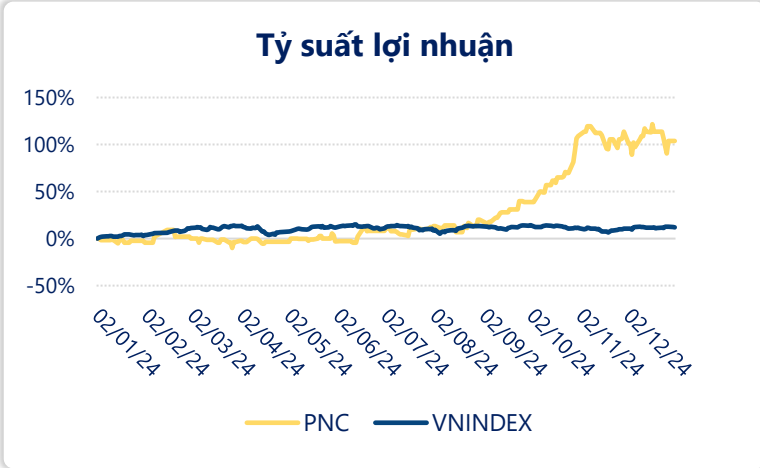
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	17,650 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	7.6%	35.8%	89.0%

Sức mạnh tài chính	2024
Piotroski F - Score	5/9
2024	(Ổn định)

DT thuần	2024
614	YoY
tỷ VNĐ	▼ 39.0
	▼ 5.9%

LN sau thuế	2024
11.0	YoY
tỷ VNĐ	▼ 5.80
	▼ 34.4%

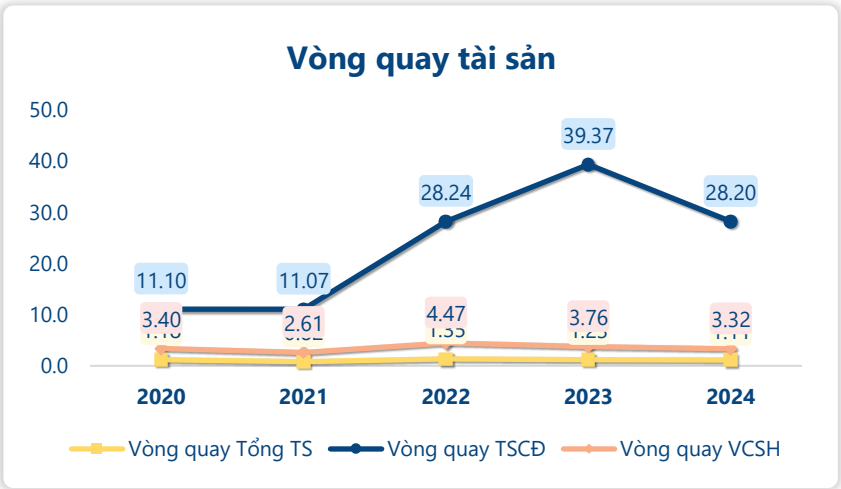
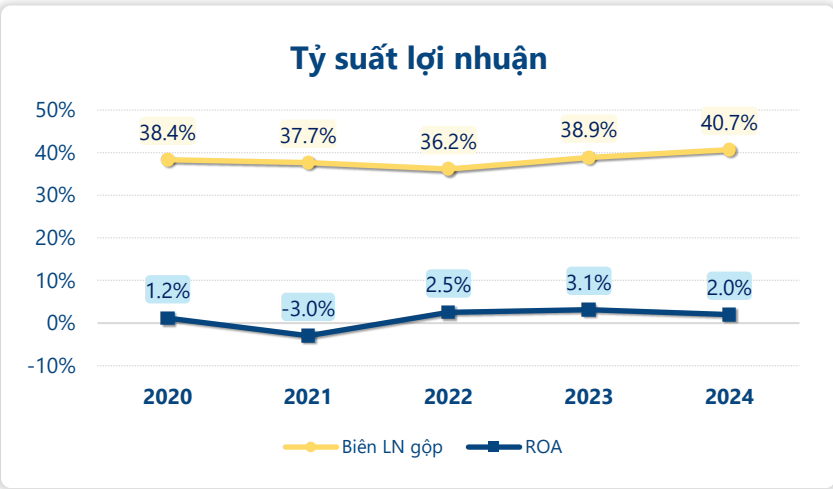
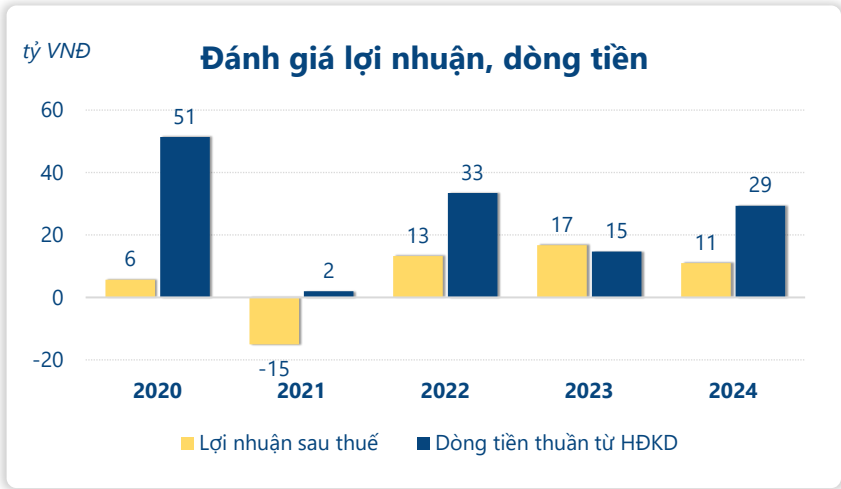


Năm 2024, F-Score của **PNC** đạt **5/9** thấp hơn năm trước và sức khỏe tài chính được đánh giá xấu đi, thuộc vùng "**Ổn định**".

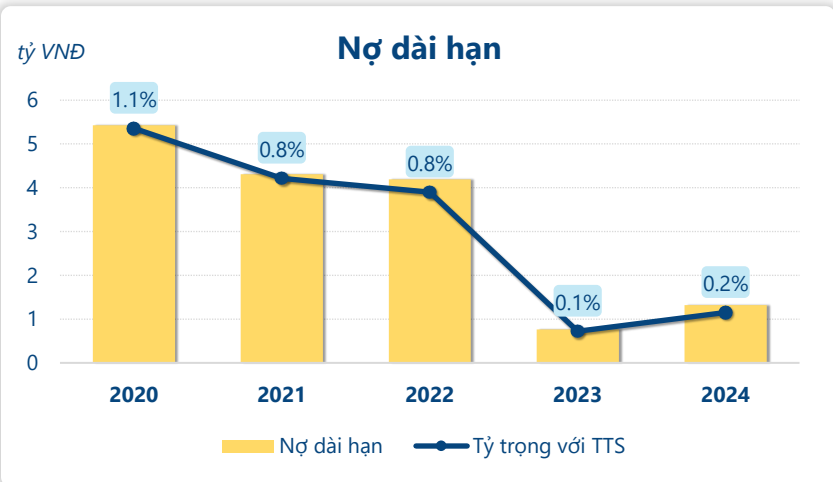
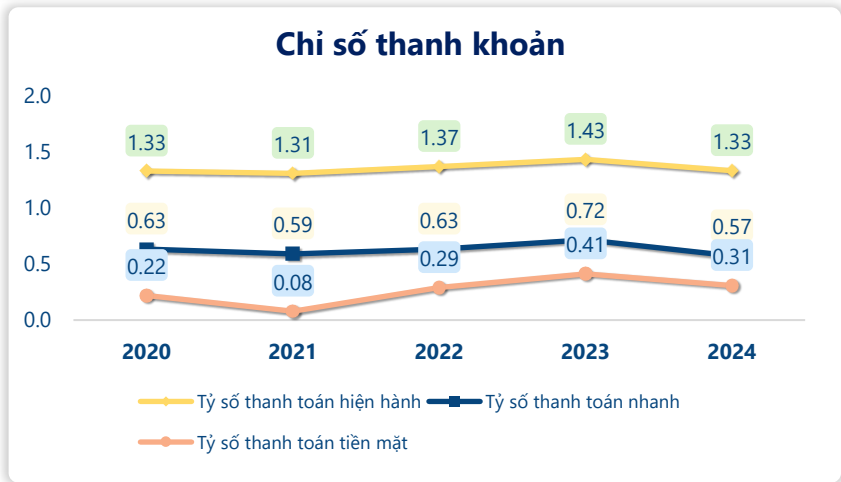
Trong đó, khả năng sinh lời **không đổi** đạt **3/4** điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn **kém hơn** năm trước đạt **1/3**. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, đạt điểm **1/2** ở mức ổn định so với năm trước.

Với F-Score ở mức ổn định cho thấy có một số yếu tố tích cực trong tình hình tài chính và hoạt động của công ty, nhưng vẫn còn một số yếu tố cần cải thiện để cải thiện sức khỏe tài chính và tăng cường hiệu quả hoạt động.

CTCP Văn hóa Phương Nam (HSX: PNC)



Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2024** của **PNC**: Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh lớn hơn lợi nhuận sau thuế và 2 chỉ tiêu này đều dương là một tín hiệu tích cực cho thấy công ty có chất lượng lợi nhuận tốt và duy trì hoạt động kinh doanh một cách bền vững. Công ty đang gặp khó khăn trong việc tạo ra lợi nhuận từ mỗi đơn vị tài sản khi ROA giảm so với năm trước. Tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản tăng có thể tạo ra mức độ phụ thuộc cao hơn vào vốn vay dài hạn, làm tăng rủi ro tài chính cho doanh nghiệp. Tuy nhiên cũng có thể phản ánh chiến lược tài chính hoặc nhu cầu vốn vay để đầu tư và mở rộng hoạt động. Sự suy giảm của tỷ số thanh toán hiện hành có thể gây lo ngại về khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, tuy nhiên cũng cần phân tích kỹ hơn để hiểu rõ nguyên nhân của sự suy giảm này. Không phát hành thêm cổ phiếu trong kỳ cho thấy sự ổn định trong quy mô vốn cổ phần, giúp duy trì tính hấp dẫn và niềm tin nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	575	528	9.0%
Tài sản ngắn hạn	515	495	4.1%
Tiền và tương đương tiền	119	142	-16.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	50.0	45.9	8.9%
Phải thu ngắn hạn	45.0	54.6	-17.6%
Hàng tồn kho	293	248	18.5%
Tài sản ngắn hạn khác	7.42	4.31	72.4%
Tài sản dài hạn	60.4	33.2	82.0%
Phải thu dài hạn	21.8	11.4	91.1%
Tài sản cố định	29.9	13.7	119%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.19	4.50	-51.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	2.50	2.50	0.0%
Tài sản dài hạn khác	3.99	1.12	255%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	387	345	12.1%
Nợ ngắn hạn	386	345	12.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	324	265	22.1%
Nợ dài hạn	1.32	0.76	73.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.74	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	188	182	3.1%
Vốn chủ sở hữu	188	182	3.1%
Vốn điều lệ	110	110	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	570	417	711	653	614
Giá vốn hàng bán	351	260	454	399	364
Lợi nhuận gộp	219	157	257	254	250
Doanh thu HĐTC	15.0	12.3	8.77	21.3	15.6
Chi phí TC	0.00	0.01	0.00	0.39	0.35
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0.04
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	203	162	217	219	219
Chi phí QLDN	26.8	23.4	28.8	33.4	35.4
LN thuần từ HĐKD	4.08	-16.0	20.3	22.1	10.8
Lợi nhuận khác	1.84	1.22	-2.64	1.06	3.00
LN trước thuế	5.92	-14.8	17.7	23.2	13.8
Lợi nhuận sau thuế	5.63	-15.1	13.3	16.8	11.0
LNST của CĐ cty mẹ	5.63	-15.1	13.3	16.8	11.0

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	51.4	2.00	33.4	14.7	29.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-63.0	-41.6	45.1	20.9	-47.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.00	-5.41	0	0	-4.66
Tiền đầu kỳ	84.8	73.1	28.1	107	142
Lưu chuyển tiền thuần	-11.7	-45.0	78.5	35.6	-23.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.01	0.01	0
Tiền cuối kỳ	73.1	28.1	107	142	119